

**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ
MACHINCO1**



Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010
đã được kiểm toán

**Đơn vị kiểm toán: Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính
kế toán và kiểm toán AASC**



Công ty Cổ phần thiết bị

Km9 Đường Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, TP.Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần thiết bị (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thiết Bị được thành lập theo Quyết định số 2357/QĐ/BTM ngày 14 tháng 09 năm 2005 của Bộ Trưởng Bộ Thương Mại về việc chuyển đổi "Công ty Thiết Bị thành Công ty Cổ phần Thiết Bị" và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103011186 Đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 03 năm 2006 .

Trụ sở chính của Công ty tại Km 9- Đường Nguyễn Trãi- Thanh Xuân- Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Thanh Tùng	Chủ tịch
Ông Phạm Văn Kiêm	Thành viên
Bà Lê Thị Nam Hà	Thành viên
Bà Nguyễn Hồng Trang	Thành viên
Bà Vũ Tường Vân	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Thanh Tùng	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Kiêm	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Nam Hà	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát gồm

Bà Hoàng Thị Liên Hồng	Trưởng Ban
Bà Trần Lê Trang	Thành viên
Bà Chu Thạch Bích	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2009 cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

Công ty Cổ phần thiết bị

Km9 Đường Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC, ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2011

TM. Ban Giám đốc

Tổng Giám đốc

Vũ Thanh Tùng

Số:/2011/BC.KTTC-AASC.KT1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
của Công ty Cổ phần thiết bị*

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần thiết bị**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần thiết bị được lập ngày ngày 16 tháng 02 năm 2011 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được trình bày từ trang 5 đến trang 21 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần thiết bị tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2011

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)
Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Ngô Đức Đoàn
Chúng tôi KTV số: Đ0052/KTV

Hoàng Anh Tuấn
Chúng tôi KTV số: 0940/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		43,419,081,012	13,143,657,558
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	29,315,542,964	2,069,609,132
111 1. Tiền		3,779,591,748	1,369,609,132
112 2. Các khoản tương đương tiền		25,535,951,216	700,000,000
120 II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	36,000,000
121 1. Đầu tư ngắn hạn		-	44,000,000
129 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		-	(8,000,000)
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn		12,964,324,152	9,904,361,962
131 1. Phải thu khách hàng		12,532,276,463	8,904,075,891
135 5. Các khoản phải thu khác	4	844,709,701	1,162,415,746
139 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	5	(412,662,012)	(162,129,675)
140 IV. Hàng tồn kho	6	676,253,251	482,856,594
141 1. Hàng tồn kho		676,253,251	482,856,594
150 V. Tài sản ngắn hạn khác		462,960,645	650,829,870
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	109,267,735	101,401,772
152 2. Thuế GTGT được khấu trừ		214,037,980	-
158 5. Tài sản ngắn hạn khác	8	139,654,930	549,428,098
200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN		35,090,886,531	33,526,448,565
220 II. Tài sản cố định		20,782,871,834	18,975,812,622
221 1. Tài sản cố định hữu hình	9	17,072,859,487	18,007,376,850
222 - Nguyên giá		50,155,649,682	34,323,443,894
223 - Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(33,082,790,195)	(16,316,067,044)
227 3. Tài sản cố định vô hình	10	-	-
228 - Nguyên giá		15,000,000	15,000,000
229 - Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(15,000,000)	(15,000,000)
230 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	3,710,012,347	968,435,772
240 III. Bất động sản đầu tư	12	12,983,977,932	13,266,238,140
241 - Nguyên giá		14,295,212,951	14,295,212,951
242 - Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(1,311,235,019)	(1,028,974,811)
260 V. Tài sản dài hạn khác		1,324,036,765	1,284,397,803
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	13	1,244,942,622	1,284,397,803
268 3. Tài sản dài hạn khác	14	79,094,143	-
270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN		78,509,967,543	46,670,106,123

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

Mã số NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
300 A. NỢ PHẢI TRẢ		35,524,459,581	12,326,664,176
310 I. Nợ ngắn hạn		13,716,892,305	9,599,763,957
311 1. Vay và nợ ngắn hạn	15	8,938,723,371	2,714,725,729
312 2. Phải trả người bán		811,802,189	3,761,004,154
313 3. Người mua trả tiền trước		317,889,586	1,005,336,719
314 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	1,673,321,276	783,576,846
315 5. Phải trả người lao động		820,621,135	26,457,882
316 6. Chi phí phải trả	17	888,286,528	50,000,000
319 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	18	152,377,474	1,283,715,659
323 11. Quỹ khen thưởng phúc lợi		113,870,746	(25,053,032)
330 II. Nợ dài hạn		21,807,567,276	2,726,900,219
333 3. Phải trả dài hạn khác	19	860,452,695	-
334 4. Vay và nợ dài hạn	20	16,500,000,000	-
336 6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		47,195,986	25,621,622
338 8. Doanh thu chưa thực hiện		4,399,918,595	2,701,278,597
400 B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		42,985,507,962	34,343,441,947
410 I. Vốn chủ sở hữu	21	42,985,507,962	34,343,441,947
411 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		31,944,160,000	31,944,160,000
412 2. Thặng dư vốn cổ phần		106,064,590	106,064,590
416 6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		125,220,891	(7,225,322)
417 7. Quỹ đầu tư phát triển		1,550,714,550	670,499,018
418 8. Quỹ dự phòng tài chính		383,684,248	34,186,553
420 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		8,875,663,683	1,595,757,108
440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		78,509,967,543	46,670,106,123

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	VND		685,188,097	1,047,973,572
5. Ngoại tệ các loại			-	-
- Đô la Mỹ	USD		63,945.85	12,808.59
- EUR	GBP		2,016.09	-

Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Hoàng Thị Liên Hồng

Nguyễn Hồng Trang

Vũ Thanh Tùng

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		109,267,659,992	43,252,693,593
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		52,472,542	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	109,215,187,450	43,252,693,593
11	4. Giá vốn hàng bán	23	89,742,648,151	30,932,407,140
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		19,472,539,299	12,320,286,453
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	1,552,039,498	314,320,742
22	7. Chi phí tài chính	25	2,679,533,812	502,985,779
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		2,071,233,214	323,791,479
24	8. Chi phí bán hàng	26	3,682,494,911	2,571,255,148
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	2,914,406,973	2,486,895,064
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		11,748,143,101	7,073,471,204
31	11. Thu nhập khác		160,195,573	44,617,353
32	12. Chi phí khác		59,616,202	76,364,304
40	13. Lợi nhuận khác		100,579,371	(31,746,951)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		11,848,722,472	7,041,724,253
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành		2,973,058,789	654,343,145
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>8,875,663,683</u>	<u>6,387,381,108</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	2,778	2,049

Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc